

BÁO CÁO TỔNG KẾT CÔNG TÁC Y TẾ LAO ĐỘNG 2005 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2006

Cục Y tế dự phòng Việt Nam - Bộ Y tế

1. HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG VÀ CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN VĂN BẢN PHÁP QUY

1.1. Xây dựng văn bản pháp quy

- Hoàn chỉnh nội dung thông tư hướng dẫn thực hiện khám bệnh nghề nghiệp; đã lấy ý kiến các địa phương, y tế các bộ ngành và ý kiến của các Vụ/Cục trong Bộ Y tế. Trong thời gian tới sẽ chính thức lấy ý kiến của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam để trình lãnh đạo Bộ ban hành.

- Phối hợp cùng với Bộ Lao động Thương binh và Xã hội xây dựng và hoàn chỉnh nội dung "Chương trình phòng chống bệnh nghề nghiệp giai đoạn 2006 - 2010" trình Chính phủ để thực hiện trong giai đoạn mới.

- Thực hiện nghiên cứu thực trạng tình hình an toàn vệ sinh lao động trong ngành y tế và xây dựng thông tư hướng dẫn thực hiện công tác an toàn vệ sinh lao động trong ngành y tế.

1.2. Thực hiện văn bản pháp quy

- Phổ biến cho các đơn vị trong ngành thực hiện Chỉ thị số 07 ngày 11/10/2004 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc tăng cường chỉ đạo và tổ chức thực hiện ATVSLĐ, chăm sóc sức khỏe cho người lao động nông nghiệp trong tình hình mới.

- Công tác thực hiện các văn bản pháp quy trong ngành được tổng hợp như sau:

Bảng 1: Tình hình thực hiện văn bản pháp quy.

TT	Thông tư/Quyết định	Số quận/huyện thực hiện	Số cơ sở được phổ biến	Số cơ sở được triển khai
1	Thông tư số 13/BYT-TT	419	7061	3811
2	Thông tư Liên tịch số 08/TTLT	414	4851	2385
3	Thông tư số 09/2000/BYT-TT	446	6253	3785
4	Quyết định số 3733/BYT-QĐ	336	3390	2132

- Thông tư số 13/BYT-TT đã được ban hành từ năm 1996. Tuy nhiên để đáp ứng với nhiệm vụ trong tình hình mới việc xem xét điều chỉnh, bổ sung và hoàn chỉnh thông tư số 13/BYT-TT là một công tác hết sức cần thiết hiện nay.

- Thông tư Liên tịch số 08/TTLT-BYT-BLĐTBXH về chế độ bảo hiểm xã hội của công nhân mắc bệnh nghề nghiệp cũng đã được phổ biến và thực hiện rộng khắp trong các địa phương trong toàn quốc. Thông tư số 09/2000/BYT-TT về quản lý sức khỏe người lao động tại các doanh nghiệp nhỏ/vừa và Quyết định số 3733/2002/BYT-QĐ cũng đã được hầu khắp các quận/huyện trong toàn quốc thực hiện. Các văn bản này đã góp phần tích cực vào công tác quản lý hoạt động sức khỏe nghề nghiệp rộng rãi trên địa bàn toàn quốc.

1.3. Củng cố hoạt động tổ chức

- Đến nay đã có 50 Trung tâm YTDP tỉnh, trung tâm y tế ngành thành lập khoa y tế lao động chiếm 64,1%. Đã có 37 phòng khám bệnh nghề nghiệp tại 31 tỉnh và 6 ngành. Nhìn chung cho đến nay các tỉnh và các ngành đã bước đầu trang bị máy móc và trang thiết bị đo đạc kiểm tra môi trường và khám bệnh nghề nghiệp.

- Trong năm 2005, một số tỉnh đã tiến hành tách Trung tâm Sức khỏe Lao động Môi trường ra khỏi Trung tâm Y tế Dự phòng và đã bước vào hoạt động tại Vĩnh Phúc, Bình Dương và Kiên

Giang. Hoạt động của các trung tâm này cũng đã đi vào nề nếp và đã nhận được sự chỉ đạo tích cực của Bộ Y tế cũng như các Viện chuyên môn thuộc hệ y tế dự phòng.

II. CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN GIÁO DỤC VÀ TẬP HUẤN

2.1. Công tác tuyên truyền giáo dục

- Tất cả các địa phương/Bộ/ngành đã thực hiện các hoạt động trong Tuần lễ Quốc gia ATVSLĐ-PCCN lần thứ 7 năm 2005 được phát động tại thành phố Hạ Long tỉnh Quảng Ninh. Nội dung hoạt động chủ yếu tập trung tăng cường công tác kiểm tra các cơ sở có nhiều yếu tố độc hại có khả năng gây bệnh nghề nghiệp, tăng cường công tác an toàn vệ sinh lao động trong ngành y tế.

- Công tác tuyên truyền: In ấn và cung cấp 12.245 áp phích và 188.362 tờ rơi cho 64 tỉnh/thành phố về thông tin tuyên truyền trong thời gian diễn ra Tuần lễ Quốc gia. Đã có 558 bài viết trên các báo địa phương, 494 phóng sự truyền hình đã được thực hiện và trên 400 bản tin phát thanh về công tác an toàn vệ sinh lao động và phòng chống bệnh nghề nghiệp tại các tỉnh/thành phố. Các địa phương đã tổ chức mít tinh phát động Tuần lễ tại 132 doanh nghiệp với sự tham dự của hơn 9000 người; tổ chức 200 hội thảo với 8440 người tham dự; 1062 lớp tập huấn cho 248678 người lao động về các chủ đề vệ sinh lao động và phòng chống bệnh nghề nghiệp trong các cơ sở sản xuất có nguy cơ cao.

- Hoạt động hội thảo, hội thảo và tập huấn: Hội thảo Phòng cháy chữa cháy của ngành Y tế lần thứ I được tổ chức từ ngày 17-19/4/2005 tại Bệnh viện Việt Nam-Thụy Điển Ưông Bí, Quảng Ninh. Tại Thành phố Hạ Long Bộ Y tế đã tổ chức 02 hội thảo về Tổng kết công tác an toàn vệ sinh lao động và phòng chống bệnh nghề nghiệp cho người lao động và Tổng kết hoạt động phòng chống bệnh bụi phổi-silic 2004 và kế hoạch 2005 với sự tham dự của trên 200 đại biểu.

- Hội thảo về Nghiên cứu điều kiện lao động đặc thù và sức khỏe nghề nghiệp của cán bộ y tế trong giai đoạn hiện nay và đề xuất các giải pháp khắc phục cũng được tổ chức trong thời gian diễn ra Tuần lễ tại thành phố Hạ Long với sự tham dự của các đại biểu làm công tác y tế lao động tại 9 trung tâm y tế dự phòng tỉnh/thành phố.

2.2. Công tác tập huấn nâng cao năng lực y tế lao động

- 49 tỉnh và 7 bộ/ngành đã tổ chức 704 lớp cho 3177 cơ sở và 49021 học viên được tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ y tế lao động và bệnh nghề nghiệp. Nhìn chung các hoạt động tập huấn, nâng cao năng lực đã trở thành các hoạt động chuyên môn thường xuyên và góp phần đáng kể vào việc nâng cao năng lực quản lý và chuyên môn cho cán bộ y tế lao động tại các tuyến.

- Đặc biệt trong năm 2005, Bộ Y tế đã phối hợp với Tổ chức Lao động Quốc tế ILO và Tổ chức Y tế Thế giới WHO tổ chức một lớp tập huấn về nâng cao năng lực đọc phim các bệnh bụi phổi cho 56 cán bộ y tế lao động, giám định y khoa và khoa chẩn đoán hình ảnh theo bộ phim mẫu ILO 2000. Hoạt động này đã góp phần chuẩn hóa năng lực chuyên môn của các cán bộ làm công tác y tế lao động và góp phần vào việc đẩy nhanh hoạt động giám định các bệnh bụi phổi nghề nghiệp.

2.3. Hoạt động chỉ đạo trong ngành

- Các hoạt động Nâng cao sức khỏe người lao động: Triển khai chương trình Nâng cao sức khỏe nơi làm việc tại các doanh nghiệp có chuyển giao công nghệ và làng nghề tại 5 tỉnh: Hà Nội, Hải Phòng, Thừa Thiên Huế, Nam Định, Bắc Ninh và ngành Đường sắt.

+ Xây dựng sách tranh về an toàn vệ sinh lao động cho người lao động trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

+ Xây dựng phim thực hiện tốt nâng cao sức khỏe nơi làm việc tại Hải Phòng và Huế.

- Triển khai phòng chống bệnh bụi phổi-silic: Xây dựng kế hoạch và được Bộ Y tế phê duyệt hoạt động của các Bộ/ngành và địa phương trong năm 2005. Trong năm 2005 dự án tiếp tục được

triển khai tại các ngành Công nghiệp, Xây dựng, Giao thông, Quốc phòng và các tỉnh Thái Nguyên, Quảng Ninh, Nghệ An, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng và Bà Rịa Vũng Tàu.

- Nghiên cứu điều kiện lao động đặc thù sức khỏe nghề nghiệp trong nhân viên ngành y tế: Tiếp tục triển khai điều tra nghiên cứu tại 3 bệnh viện trung ương và các cơ sở y tế tại các tỉnh Yên Bái, Hải Phòng, Nam Định, Nghệ An, Thừa Thiên Huế, Khánh Hòa, Đắk Lắk, Tiền Giang và Bến Tre. Phối hợp với Vụ Tổ chức Cán bộ kiểm tra công tác an toàn vệ sinh lao động tại các cơ sở y tế tại các tỉnh ở khu vực phía Nam.

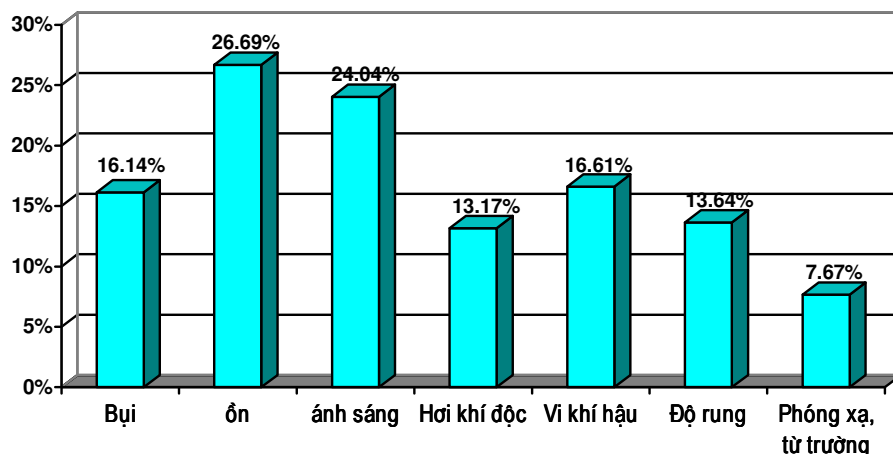
III. CÔNG TÁC QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG TẠI CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT

Theo báo cáo của 56 đơn vị tỉnh, thành, ngành, trong năm 2005 đã tiến hành đo đạc môi trường lao động cho 2142 cơ sở sản xuất với tổng số mẫu đo là 194.583 mẫu trong đó số mẫu không đạt tiêu chuẩn vệ sinh là 36.251 mẫu, chiếm 18,63% - tăng 4,3% so với năm 2004.

Bảng 2: Kết quả giám sát môi trường lao động

TT	Yếu tố độc hại	Năm 2005		Tỷ lệ % vượt TCCP năm 2004
		Số mẫu	Tỷ lệ % vượt TCCP	
1	Bụi	17164	16,14%	17,5%
2	Ồn	25740	26,69%	28,2%
3	Ánh sáng	28994	24,04%	17,1%
4	Hơi khí độc	12823	13,17%	11,9%
5	Vi khí hậu	104429	16,61%	17,6%
6	Độ rung	2559	13,64%	14,5%
7	Phóng xạ, từ trường	1797	7,67%	3,8%
	Tổng cộng	194583	18,63	18,2%

Nhìn chung các yếu tố môi trường lao động vượt tiêu chuẩn cho phép có xu hướng duy trì ở mức trên dưới 18%: trong đó số mẫu bụi giảm 0,6%; các yếu tố vi khí hậu giảm 1%; mẫu đo độ rung giảm khoảng 1%, mẫu đo độ ồn giảm được 2,4%. Nhưng ngược lại, một số mẫu đo khác lại có xu hướng gia tăng như mẫu đo ánh sáng tăng 7%, mẫu đo hơi khí độc tăng 1,2% và mẫu đo phóng xạ từ trường tăng 3,8%.



IV. TÌNH HÌNH SỨC KHỎE, BỆNH TẬT TRONG CÔNG NHÂN

4.1. Tình hình nghỉ ốm

Trong tổng số 1.006.408 công nhân tại các cơ sở sản xuất có báo cáo, đã có 205.128 người nghỉ ốm với số lượt nghỉ ốm là 312.582 và tổng số ngày nghỉ ốm là 989.896. Tỷ lệ nghỉ ốm trong công nhân là 20,4% giảm một nửa so với năm 2004 (41%). Số ngày nghỉ ốm trung bình trong năm của một công nhân là 0,98 ngày/người.

Bảng 3: Tình hình nghỉ ốm của công nhân

Tình hình nghỉ ốm	Năm 2005	Năm 2004
Tổng số công nhân	1.006.408	989.731
Số người nghỉ ốm	205.128	406.520
Số lượt nghỉ ốm	312.582	206.877
Tổng số ngày nghỉ	989.896	807.514

4.2. Tình hình khám chữa bệnh của công nhân

Theo báo cáo của các tỉnh/Bộ/ngành đã có 807.465 trường hợp khám chữa bệnh tại y tế cơ sở.

Kết quả khám cho thấy một số bệnh có tỷ lệ mắc cao và có xu hướng tăng như bệnh về đường hô hấp tăng 3,5%, các bệnh về tai tăng 0,3%, các bệnh cơ xương khớp tăng 1%, các bệnh về da tăng 0,4%, lao phổi tăng 0,15%. □

Bảng 4: Tình hình bệnh tật trong công nhân

TT	Tên bệnh	Năm 2004		Tỷ lệ % năm 2003
		Số trường hợp	Tỷ lệ %	
1.	Bệnh về đường hô hấp	245.470	30,4%	26,9%
2.	Bệnh về mắt	45.136	5,6%	7,3%
3.	Bệnh về tai	38.864	4,81%	4,5%
4.	Bệnh cơ xương khớp	49.078	6,1%	5,1%
5.	Bệnh da	22.306	2,8%	2,4%
6.	Lao phổi	1990	0,3%	0,15%
7.	Ung thư phổi	495	0,06%	0,021%
8.	Bệnh tim mạch	27.393	3,4%	3,6%

4.3. Tình hình khám sức khỏe định kỳ

Tại các tỉnh/thành và Bộ/ngành đã có 3.074 cơ sở sản xuất (chiếm 24,6% số cơ sở) tiến hành khám định kỳ phân loại sức khỏe cho công nhân. Tổng số đã có 543.086 công nhân được khám sức khỏe định kỳ, tăng khoảng 20% so với năm 2004; trong đó có 309.526 nam và 233.526 nữ.

Bảng 5: Kết quả khám sức khỏe định kỳ

TT	Nội dung	Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4	Loại 5	Tổng cộng
1	Năm 2004	77.695	176.222	120.339	43.306	10.754	428.316
	Tỷ lệ	18,1%	41,2%	28,1%	10,1%	2,5%	100%
2	Năm 2005	110.723	243.972	138.654	41.519	8208	543.086
	Tỷ lệ	20,4%	44,9%	25,5%	7,65%	1,5%	100%

Tình hình sức khỏe của công nhân có được cải thiện, nhóm sức khỏe loại 1 và 2 tăng khoảng 2 - 3%, trong khi đó nhóm sức khỏe loại 4 và 5 cũng giảm 1 - 2% so với các chỉ số của năm 2004.

V. TÌNH HÌNH BỆNH NGHỀ NGHIỆP, NHIỄM ĐỘC THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

5.1. Bệnh nghề nghiệp

Trong năm 2005 các tỉnh và các Bộ/ngành tiến hành khám bệnh nghề nghiệp cho 28.653 công nhân, trong đó có 1123 trường hợp nghi ngờ được đưa ra giám định bệnh nghề nghiệp. Trong số này, có 700 trường hợp được giám định và cấp sổ bảo hiểm xã hội (chiếm 62,3% các trường hợp đưa ra giám định).

Bảng 6: Kết quả khám bệnh nghề nghiệp.

Tên bệnh	Số khám	Số GĐ	Số cấp sổ	Số GĐ tích lũy
----------	---------	-------	-----------	----------------

Tên bệnh	Số khám	Số GĐ	Số cấp sổ	Số GĐ tích lũy
1. Bệnh bụi phổi-Silic (BP-silic)	13700	670	634	16449
2. Bệnh bụi phổi Amiăng (BP-amiăng)	623	0	0	3
3. Bệnh bụi phổi bông (BP-bông)	951	0	0	257
4. Viêm phế quản mãn tính (VPQ-NN)	2926	2	0	86
5. Bệnh nhiễm độc chì và các hợp chất	362	0	0	306
6. Bệnh nhiễm độc benzen	0	0	0	2
7. Bệnh nhiễm độc thủy ngân NN (Hg)	0	0	0	0
8. Bệnh nhiễm độc TNT nghề nghiệp	0	0	0	141
9. Bệnh nhiễm độc Nicotin nghề nghiệp	153	22	0	195
10. Bệnh nhiễm độc hoá chất trừ sâu	848	70	29	244
11. Bệnh do quang tuyến X và chất PX	278	0	0	6
12. Bệnh đélec do tiếng ồn (điếc NN)	6806	257	34	3584
13. Bệnh rung chuyển nghề nghiệp	755	7	3	16
14. Bệnh sạm da nghề nghiệp	1218	62	0	276
15. Viêm da, chàm tiếp xúc	0	0	0	9
16. Bệnh lao nghề nghiệp	0	0	0	31
17. Bệnh viêm gan virus nghề nghiệp	33	33	0	14
18. Bệnh Leptospira nghề nghiệp	0	0	0	150
Tổng cộng	28653	1123	700	21769

Theo báo cáo sơ bộ của các tỉnh/thành/ngành, trong năm 2005 mới chỉ tiến hành khám và giám định được 12 loại bệnh nghề nghiệp. Đối với số đưa ra giám định bệnh nghề nghiệp, chiếm tỷ lệ cao nhất là bệnh bụi phổi-silic chiếm 59,7%; bệnh đélec do tiếng ồn 22,9%, nhiễm độc hóa chất trừ sâu 6,2%, bệnh sạm da nghề nghiệp chiếm khoảng 5,5%.

Những tỉnh/thành phố và ngành tiến hành tổ chức tốt công tác khám bệnh nghề nghiệp gồm: thành phố Hồ Chí Minh, Hoà Bình, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Thừa Thiên Huế, Bình Thuận, Đồng Nai, Bà Rịa — Vũng Tàu, ngành Xây dựng, và TT MTLĐ Bộ Giao thông vận tải.

* *Triển khai kế hoạch phòng chống bệnh bụi phổi Silic*: các bộ, ngành và các địa phương gồm Quảng Ninh, Thái Nguyên, Hà Nội, Nghệ An, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Khánh Hòa, thành phố Hồ Chí Minh và Bà Rịa-Vũng Tàu triển khai các hoạt động chủ yếu là tập huấn nâng cao nhận thức, in ấn phân phát các tài liệu tuyên truyền, giám sát y tế tại một số cơ sở có nguy cơ cao, đánh giá khả năng sử dụng phim chụp XQ để chuẩn đoán bệnh bụi phổi-silic.

5.2. Tình hình nhiễm độc thuốc bảo vệ thực vật

Theo báo cáo thống kê của các tỉnh/thành phố, đã có 2241 vụ nhiễm độc thuốc bảo vệ thực vật với 4223 trường hợp nhiễm độc. Số tử vong là 134 người chiếm 3,2% số trường hợp nhiễm độc. Số trường hợp nhiễm độc có giảm đáng kể so với năm 2003; số tử vong giảm 20 trường hợp so với năm 2004. Tuy nhiên, có ghi nhận 4 trường hợp tử vong do lao động tại Đắc Nông (1), Quảng Nam (1) và Đà Nẵng (2).

Bảng 7: Tình hình nhiễm độc thuốc BVTV.

Nhiễm độc thuốc BVTV	2005	2004
1. Số vụ nhiễm độc	2241	4009
2. Số trường hợp nhiễm độc	4223	10355
3. Số tử vong	134	154

Trong đó: - Do tự ý:	Số ca	3285	4937
	Tử vong	123	138
- Do ăn uống nhầm	Số ca	815	1105
	Tử vong	7	14
- Do lao động	Số ca	133	331
	Tử vong	4	2

Nguyên nhân của các trường hợp nhiễm độc chủ yếu là do tự ý với 3285 ca chiếm 77,8% với 123 trường hợp tử vong (chiếm 91,8% các trường hợp tử vong). Những trường hợp ăn uống nhầm có 815 ca chiếm 19,3% với 7 trường hợp tử vong (5,2% các trường hợp tử vong). Số trường hợp nhiễm độc do lao động là 133 ca chiếm 3,1% có 4 trường hợp tử vong.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2006

I. MỤC TIÊU

1. Xây dựng, hoàn chỉnh và bổ sung các văn bản pháp quy về y tế lao động. Hướng dẫn thực hiện thông tư khám bệnh nghề nghiệp.
2. Thực hiện tốt các hoạt động phối hợp với các cơ quan liên ngành như Tuần lễ Quốc gia ATVSLĐ-PCCN,...
3. Tăng cường công tác truyền thông, giáo dục, chăm sóc và nâng cao sức khỏe người lao động.
4. Nâng cao năng lực quản lý, giám sát sức khỏe lao động và phòng chống bệnh nghề nghiệp cho cán bộ y tế lao động.
5. Tăng cường công tác an toàn vệ sinh lao động và chăm sóc sức khỏe cho các đối tượng lao động đặc thù, nhân viên y tế, lao động trong nông nghiệp, làng nghề và trong các xí nghiệp nhỏ, vừa.

II. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

1. Công tác tổ chức, pháp luật y tế lao động

Xây dựng Thông tư hướng dẫn triển khai An toàn Vệ sinh lao động trong các cơ sở y tế; Xây dựng Quyết định ban hành hướng dẫn Nâng cao sức khỏe nơi làm việc cho các loại hình công việc khác nhau; Xây dựng Kế hoạch hành động ATVSLĐ - Chăm sóc sức khỏe lao động nông nghiệp; Phối hợp tham gia xây dựng bổ sung danh mục một số bệnh nghề nghiệp mới; Phối hợp rà soát, xây dựng chức danh nghề nặng nhọc độc hại; Xây dựng và ban hành Tiêu chuẩn sức khỏe cho một số ngành nghề, □

2. Thông tin, tuyên truyền giáo dục và huấn luyện

Thông tin tuyên truyền Tuần lễ An toàn vệ sinh lao động PCCN ; Xây dựng phim các hoạt động xây dựng hồ sơ ATVSLĐ; Hội thảo thông qua và phổ biến thông tư cho cơ sở y tế các tỉnh thành; tập huấn cho các địa phương/ngành nâng cao chất lượng báo cáo công tác Y tế lao động các tỉnh, thành phố; Hội nghị đánh giá việc thực hiện một số văn bản pháp quy về y tế lao động và đề xuất hoàn chỉnh, bổ sung; Hội thảo liên ngành thực hiện các chính sách cho người lao động nông nghiệp và làng nghề; Hội thảo về tình hình sử dụng và ảnh hưởng của amiăng tại Việt Nam.

3. Quản lý sức khỏe người lao động và bệnh nghề nghiệp

Giám sát môi trường và sức khỏe công nhân tiếp xúc bụi silic; Hướng dẫn triển khai kế hoạch hành động về chăm sóc sức khỏe trong lao động nông nghiệp; Giám sát môi trường và sức khỏe lao động làng nghề; Nâng cao sức khỏe người lao động trong các loại hình doanh nghiệp. Tiếp tục triển khai các hoạt động phòng chống bệnh nghề nghiệp.

4. Chế độ chính sách và kiểm tra chỉ đạo

Xây dựng chế độ chính sách chăm sóc sức khỏe lao động cho nhân viên y tế. Quản lý, giám sát hoạt động Y tế lao động ngành và địa phương. Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát công tác Y tế lao động các tỉnh trọng điểm công nghiệp.